

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 168/2023/ DS-PT

Ngày 28/9/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực
hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Đặng Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLPT-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2023/QĐST-DS, ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lục Văn C, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Giáp Thị H1- Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Bị đơn: Chị Ninh Thị H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đàm Thị H, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Ủy quyền cho ông Lục Văn C, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Lục Văn T:

Ông Lục Văn Q, sinh năm 1955 (Vắng mặt)
Bà Phan Thị T1, sinh năm 1961 (Vắng mặt)
Cháu Lục Văn T2, sinh năm 2008 (Vắng mặt)
Cháu Lục Thị Tâm N, sinh năm 2012 (Vắng mặt)
Cháu Lục Thị Kim A, sinh năm 2019 (Chị H là đại diện hợp pháp cho các cháu T2, N, A) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 và bản tự khai và cascade lần làm việc tại Tòa án, ông Lục Văn C trình bày:

Ngày 03/08/2019 âm lịch, vợ chồng anh Lục Văn T, chị Ninh Thị H có đến nhà ông hỏi vay tiền để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế. Do quen biết và là người cùng thôn, ông đã cho anh T và chị H vay số tiền 150.000.000đ. Thời hạn trả là ngày 03/02/2020 âm lịch.

Ngày 20/12/2019 âm lịch, anh T tiếp tục đến nhà ông vay của ông số tiền là 20.000.000đ. Mục đích vay là để làm ăn, phát triển kinh tế. Thời hạn trả là ngày 16/01/2020.

Cả hai lần vay tiền các bên đều viết giấy biên nhận, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, lãi suất thỏa thuận miệng là 10%/năm. Đến hạn trả nợ, ông đã đi lại đòi nhiều lần nhưng anh T, chị H vẫn chưa trả cho ông được đồng tiền gốc và tiền lãi nào. Do anh T đã chết nên ông yêu cầu chị Ninh Thị H phải trả vợ chồng ông số tiền gốc của khoản nợ 150.000.000đ và lãi suất phát sinh là 10%/năm, từ khi đến hạn trả nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm; còn khoản nợ 20.000.000đ do chỉ có một mình chữ ký của anh T nên ông không yêu cầu chị H phải trả khoản nợ này. Tiền chi phí giám định chữ ký ông đã nộp tại phiên tòa phúc thẩm ông yêu cầu chị H trả ông số tiền 5.000.000đ.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Ninh Thị H trình bày: Ngày 03/8/2019 âm lịch, ông Lục Văn C có mang sang nhà cho vợ chồng chị vay số tiền là 150.000.000đ. Hai vợ chồng chị đã nhận đủ tiền và cùng ký vào giấy nhận tiền. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/triệu/tháng. Số tiền này vợ chồng chị vay để trả tiền mua cây bạch đàn. Ngày 08/01/2020 âm lịch, chồng chị là anh Lục Văn T chết. Ngày 27/3/2020 âm lịch, chị đã trả hết ông Lục Văn C 150.000.000đ tiền nợ gốc và toàn bộ tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm chị đã xuất trình các tài liệu chứng minh chị đã trả hết nợ cho ông Lục Văn C. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành Trưng cầu giám định chữ ký của ông Lục Văn C chị không hiểu sao lại không phải chữ ký của ông C. Nay ông Lục Văn C yêu cầu chị phải trả số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi 10%/năm từ khi đến hạn trả nợ đến nay chị không đồng ý vì chị đã trả xong cả gốc và lãi. Anh Lục

Văn T chồng chị chết chỉ để lại tài sản chiếc xe ô tô Toyota hilux BKS 98c - 188- 01 đến tháng 3/2020 chị đã bán chiếc xe được 750.000.000đ để trả nợ hết đến nay anh chị không còn tài sản gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị H là trình bày: Bà là vợ của ông Lục Văn C lời khai của ông C cũng là lời khai của bà, bà không bổ sung gì thêm. Bà ủy quyền cho ông C chồng bà giải quyết mọi vấn đề ở Tòa án.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Lục Văn Q bố đẻ của anh Lục Văn T trình bày: Việc vay nợ của anh Lục Văn T là con trai ông và ông Lục Văn C không liên quan gì đến ông. Nay con trai ông đã chết không để lại tài sản gì cho ông được hưởng cả tất cả nhà cửa đất cát là tài sản của vợ chồng ông đứng tên vợ chồng ông không liên quan gì đến anh T chị H nên việc vay nợ, trả nợ của anh T chị H không liên quan gì đến ông.

Bà Phan Thị T1 là mẹ đẻ của anh Lục Văn T trình bày: Ý kiến của ông Lục Văn Q chồng bà cũng là ý kiến của bà, bà không bổ sung gì thêm. Nay vì lý do công việc bận nên bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Các con của anh T là Cháu Lục Văn T2, sinh năm 2008, cháu Lục Thị Tâm N, sinh năm 2012, cháu Lục Thị Kim A, sinh năm 2019 các cháu dưới 16 tuổi chị Ninh Thị H là mẹ đẻ của các cháu đại diện hợp pháp cho các cháu trình bày: Các con chị vẫn còn nhỏ chị là đại diện hợp pháp cho các cháu chồng chị đã chết chị một mình nuôi 3 con nhỏ cuộc sống khó khăn. Anh Lục Văn T là chồng chị đã chết tháng 01 năm 2020 khi chết anh T có chiếc xe toyota hilux BKS 98c - 188- 01 đến tháng 3/2020 chị đã bán chiếc xe được 750.000.000đ để trả nợ hết đến nay anh chị không còn tài sản gì, nhà đất chị đang ở là của bố mẹ chồng chị ông Q và bà T1. Do anh chị không còn tài sản gì nên gia đình chị không làm thủ tục phân chia di sản thừa kế.

Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lục Văn C. Buộc chị Ninh Thị H phải trả cho ông Lục Văn C, bà Đàm Thị H tổng số tiền là 199.791.667đ. Trong đó có 150.000.000đ tiền gốc, tiền lãi 49.791.667đ.

Chị Ninh Thị H phải trả khoản tiền giám định chữ ký 5.000.000đ cho ông Lục Văn C.

2. Về án phí: Chị Ninh Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi xuất chậm thi hành án qui định luật thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2023, bị đơn chị Ninh Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ý kiến của bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị khẳng định có vay ông C số tiền 150.000.000 đồng và đã trả cho ông Lục Văn C số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng, có người chứng kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Giáp Thị H1 trình bày: Yêu cầu khởi kiện của ông Lục Văn C là có căn cứ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị Ninh Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của chị Ninh Thị H làm đúng, trong hạn luật định và đã chị đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được công nhận về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung đơn kháng cáo của chị Ninh Thị H, với lý do kháng cáo chị H đưa ra là Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang có nhiều vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Các nhận định, quyết định của Bản án sơ thẩm là hoàn toàn không có căn cứ, không khách quan, trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của chị H.

Hội đồng xét xử thấy:

Do có mối quan hệ họ hàng, ngày 03/8/2019 âm lịch, tức ngày 01/09 2019 dương lịch, ông Lục Văn C có cho vợ chồng anh Lục Văn T, chị Ninh Thị H vay

số tiền là 150.000.000đ. Khi vay các bên có viết “giấy vay tiền”. Thời hạn trả là ngày 03/02/2020 âm lịch, tức ngày 25/02/2020 dương lịch. Mục đích anh T, chị H vay là để phát triển kinh tế gia đình. Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận lãi suất miệng.

Xét khi các bên cho nhau vay tiền có lập văn bản, đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh T, chị H chưa trả vợ chồng ông C được đồng tiền gốc và tiền lãi nào. Nay ông Lục Văn C yêu cầu vợ chồng anh Lục Văn T, chị Ninh Thị H phải trả vợ chồng ông số tiền gốc đã vay là 150.000.000đ và tiền lãi 10%/năm từ ngày 03/02/2020 âm lịch, tức ngày 25/02/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên do anh Lục Văn T đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của anh Thành là ông Lục Văn Q, bà Phan Thị T1 là bố mẹ đẻ của anh T, chị Ninh Thị H là vợ anh T các con anh T là cháu T2, cháu N và cháu Kim A phải thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ của anh Thành để lại. Tuy nhiên qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án qua biên bản xác minh với UBND xã Bình Sơn, qua các lời khai của các đương sự khẳng định anh Lục Văn T và chị Ninh Thị H có tài sản là chiếc xe ô tô Toyota hilux BKS 98c - 188- 01 đến tháng 3/2020 chị H đã bán chiếc xe được 750.000.000đ để trả nợ hết đến nay anh chị không còn tài sản gì, ông Q bà T1 là bố mẹ đẻ anh T cũng khai ông bà không liên quan đến việc vay nợ và ông bà cũng không được hưởng tài sản gì của anh T, các con anh T thì còn nhỏ chưa đến tuổi lao động vẫn sống phụ thuộc, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc chị Ninh Thị H phải trả cho vợ chồng ông Lục Văn C, bà Đàm Thị H toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 150.000.000đ; tiền lãi tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày xét xử 21/6/2023 là 3 năm 3 tháng 25 ngày x 10%/năm = 49.791.667đ. Tổng cả gốc và lãi là 199.791.667đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Ninh Thị H xuất trình tài liệu chị đã trả ông Lục Văn C 150.000.000đ tiền gốc và 15.000.000đ tiền lãi nhưng ông C không thừa nhận chữ ký nhận tiền nên ông C đã đề nghị giám định chữ ký. Tại kết luận giám định số 234/KL - KTHS ngày 19/10/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận chữ ký nhận tiền và chữ ký của ông C đề nghị giám định không cùng do một người ký nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ xác định chị H đã thanh toán số tiền cho ông C, chị H không đưa ra được căn cứ nào khác để chứng minh đã trả nợ ông C nên không có cơ sở để chấp nhận. Nên cần buộc chị H phải trả cho vợ chồng ông C bà H số tiền gốc 150.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị H không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới nào, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chứng minh. Do vậy các lý do kháng cáo của chị H là không có căn cứ chấp nhận và việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, áp dụng đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do chị Ninh Thị H là người dân tộc sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc hội.

Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Ninh Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Ninh Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm .

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Vinh